

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 21/2018/HS-ST
Ngày 15 tháng 8 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Quảng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lan

Bà Nguyễn Thị Mỹ

Thư ký phiên tòa: Ông Vương Tấn Lập

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Kim Dung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 22/2018/TLST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Xuân L, sinh năm 1993 tại tỉnh Gia Lai.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai.

Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai.

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Trần Đình H, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1972.

Tiền án: Không; tiền sự: Không

Bị cáo đang tại ngoại.

Có mặt

Người bị hại: Ông Trần Đình T, sinh năm 1962

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai.

Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Đình H, sinh năm 1970

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai.

Có mặt.

Người làm chứng:

Ông Bùi Xuân T2, sinh năm 1977

Nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản cáo trạng số 23/Ctr-VKS ngày 15/6/2018, bị cáo Trần Xuân L bị Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 11/3/2018 Trần Xuân L đi bộ ngang qua nhà ông Trần Đình T tại thôn N, xã T, huyện G tỉnh Gia Lai thì thấy nhà không có người và cửa chính đã khóa nên L nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. L đi ra khu vực sau nhà và leo qua hàng rào lưới B40 vào khu vực nhà bếp, khi đang quan sát cách vào nhà bếp thì vô tình nhìn thấy chùm chìa khóa nhà tại giỏ nhựa treo sát tường nhà bếp. L đi lên cửa chính và dùng chìa khóa đó để mở cửa nhà, khi đi vào phòng ngủ thì phát hiện 01 kết sắt nên đã dùng chùm chìa khóa để mở kết nhưng không được nên đi xuống bếp lấy 01 cái kéo dài 15cm không có cán và 01 con dao rựa dài 80cm mang lên phá kết sắt, L dùng dao và kéo cạy kết sắt khoảng 01 tiếng đồng hồ thì kết sắt bung ra, thò tay vào lấy được 01 ví da, L mở ra lấy trong ví số tiền 4.700.000đ (bốn triệu bảy trăm ngàn đồng) rồi bỏ ví lại, tiếp tục thò tay vào trong kết lấy được một cọc tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), bỏ tiền vào túi rồi đem kéo cắt chỗ cũ, khóa cửa nhà để chìa khóa chỗ cũ rồi cầm con dao rựa đi ra theo lối cũ, trên đường đi L đã vứt con dao rựa tại vườn cà phê cách nhà ông T khoảng 1km. Sau đó Lộc đã đến gặp anh Bùi Xuân T1 (sinh năm: 1977, trú tại: thôn H- xã T- huyện G) và trả cho anh T1 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền mà L nợ từ trước, số tiền còn lại L tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 10/4/2018 Trần Xuân L đã giao nộp 01 con dao rựa dài 80 cm, cán bằng tre dài 45 cm, lưỡi bằng kim loại và đầu mũi dao bị gãy, là con dao L lấy từ nhà ông T.

Ngày 10/4/2018 anh Trần Đình T giao nộp 01 kéo dài 15cm, không có cán để phục vụ điều tra.

Theo Kết luận định giá tài sản số 33 ngày 12/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện G thì 01 kết sắt nhãn hiệu Việt tiếp có kích thước (56 x 87 x 40) cm có giá trị là 500.000đ (năm trăm ngàn đồng). Việc cạy phá làm kết sắt hư và giá trị của tài sản chưa đủ định lượng để xử lý hình sự đối với Trần Xuân L nên Cơ quan CSĐT Công an huyện G đã chuyển xử phạt hành chính đối với hành vi này. Sau khi thực hiện hành vi thì gia đình bị can L đã bồi thường cho bị hại T số tiền 18.200.000đ (mười tám triệu hai trăm ngàn đồng), trong đó bồi thường kết sắt là 3.500.000đ (ba triệu năm trăm ngàn đồng), bồi thường số tiền L trộm là 14.700.000đ (mười bốn triệu bảy trăm ngàn đồng), ông T đã nhận tiền và không có yêu cầu gì thêm.

Đối với Bùi Xuân T1 khi được L trả số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) thì L không nói gì về nguồn gốc của số tiền, anh T1 không biết số tiền trên là do phạm pháp mà có nên Cơ quan CSĐT Công an huyện không xử lý trách nhiệm đối với T1.

Vật chứng hiện còn: 01 con dao rựa dài 80 cm, cán bằng tre dài 45 cm, lưỡi bằng kim loại và đầu mũi dao bị gãy; 01 cái kéo dài 15 cm, không có cán.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố theo bản cáo trạng số 23/Ctr-VKS ngày 15/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Xuân L phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 38 Của Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo Trần Xuân L từ 10 đến 12 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử trả lại một con dao rựa và một cái kéo cho người bị hại.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Xuân L thừa nhận hành vi phạm tội như Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt. Người bị hại ông Trần Đình T đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đề nghị được nhận lại tài sản là một con dao rựa và một cái kéo. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trần Đình H không có ý kiến và yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên thu thập, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cung cấp được thu thập hợp pháp. Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra, tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định:

Khoảng 07h ngày 11/3/2018, Trần Xuân L đi ngang qua nhà ông Trần Đình T ở thôn N, xã T, huyện G tỉnh Gia Lai thì thấy không có người nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để lấy tiền trả nợ. L leo qua hàng rào vào nhà, khi đi ngang qua bếp thấy có chum chìa khoá nên nên thoạt lấy chìa khoá mở cửa vào nhà. Sau khi vào nhà thấy có két sắt nên L xuống bếp lấy kéo và rựa phá két lấy 14.700.000 đồng tiền mặt. Sau đó L đi đến gặp Bùi Xuân T1 và trả cho anh T1 10.000.000 đồng. Theo Kết luận định giá tài sản số 33 ngày 12/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện G thì 01 két sắt nhãn hiệu Việt tiếp có kích thước (56 x 87 x 40) cm có giá trị là 500.000đ (năm trăm ngàn đồng).

Hành vi lén lút đột nhập vào nhà ông Trần Đình T, sau đó phá két sắt lấy tài sản là tiền mặt với tổng giá trị là 14.700.000 đồng của bị cáo Trần Xuân L là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản được pháp luật hình sự bảo vệ, đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015.

[3] Về tính chất của tội phạm

Bị cáo Trần Xuân L nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì động cơ vụ lợi cá nhân, muốn có tiền một cách nhanh chóng, bị cáo Trần Xuân L lén lút đột nhập vào nhà ông Trần Đình T nhằm chiếm đoạt tài sản, khi phát hiện có kết sắt đã bị khoá, bị cáo L đã dùng dao và kéo liên tục cạy phá kết sắt trong khoảng một giờ đồng hồ làm hư hỏng kết sắt lấy toàn bộ tài sản là tiền mặt trong kết sắt. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện mục đích chiếm đoạt bằng được tài sản thông qua việc đục phá trong gần một giờ đồng hồ làm hư hỏng kết sắt đã không những xâm phạm trực tiếp vào quyền sở hữu tài sản được pháp luật hình sự bảo vệ mà còn thể hiện ý thức xem thường pháp luật vậy cần phải xử lý nghiêm khắc phù hợp với tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Đối với hành vi cầm con dao rựa để tẩu thoát và hành vi làm hỏng kết sắt, Hội đồng xét xử nhận định, mục đích của bị cáo không nhằm chiếm đoạt con dao rựa, việc bị cáo cầm theo con dao rựa và vút ở ngoài lô cà phê là để nhằm che đậy hiện trường tránh sự phát hiện sớm của người bị hại. Hành vi làm hỏng kết sắt là nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản, trong quá trình khởi tố, điều tra, bị cáo đã bị Công an huyện G, tỉnh Gia Lai xử phạt hành chính về hành vi làm hư hỏng kết sắt, bị cáo đã chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính, tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, yêu cầu gì về việc bị xử phạt hành chính về hành vi làm hư hỏng kết sắt, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét hành vi làm hư hỏng kết sắt một cách độc lập mà đánh giá trong tính chất nguy hiểm của hành vi chiếm đoạt tài sản là có căn cứ.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Trần Xuân L có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Khi tội phạm bị phát hiện, bị cáo đã có ý thức tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại bao gồm số tiền 14.700.000 đồng tiền mặt đã chiếm đoạt và 3.500.00 đồng bồi thường hư hỏng kết sắt. Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bản thân bị cáo có ông nội là người đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s, i khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự sẽ được Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

[5] Về hình phạt

Sau khi cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét bị cáo Trần Xuân L có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tù có điều kiện cũng đảm bảo khả năng tự cải tạo của bị cáo và không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm.

[6] Về dân sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án, người bị hại và gia đình bị cáo đã thoả thuận bồi thường xong về dân sự. Tại phiên toà không ai có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét về dân sự.

[7] Về vật chứng:

Đối với con dao rựa dài 80cm, cán bằng tre dài 45cm, lưỡi bằng kim loại và 01 cái kéo dài 15cm, không có cán. Đây là tài sản của người bị hại do bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Tại phiên toà người bị hại yêu cầu trả lại hai tài sản trên. Xét thấy yêu cầu của người bị hại là có căn cứ nên cần trả lại cho ông Nguyễn Đình T một con dao rựa dài 80cm, cán bằng tre dài 45cm, lưỡi bằng kim loại và 01 cái kéo dài 15cm, không có cán.

[8] Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trần Xuân L phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015

Xử phạt bị cáo Trần Xuân L 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 (hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án (15/8/2018)

Giao bị cáo Trần Xuân L cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

Áp dụng Điều 47 của của Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự

Trả lại cho ông Trần Đình T một con dao rựa dài 80cm, cán bằng tre dài 45cm, lưỡi bằng kim loại và 01 cái kéo dài 15cm, không có cán theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20 tháng 7 năm 2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện G và Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH

Buộc bị cáo Trần Xuân L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện G;
- Công an huyện G;
- Chi cục THADS huyện G
- Bị cáo và người tham gia tố tụng;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Quảng